

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 270/2022/DS-ST.  
Ngày: 08-9-2022.  
V/v “Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Xuân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Đoàn Lĩnh.

Bà Trần Thiều Huệ Tiên.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Ngọc Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

Trong ngày 08 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây và trụ sở Ủy ban nhân dân xã Long Vĩnh xét xử sơ thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án dân sự thụ lý số: 166/2022/TLST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2022/QĐXX-ST ngày 05 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 72/2022/QĐST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện Gây, tỉnh Tiền Giang.

*2. Bị đơn:* Phan Văn Q, sinh năm 1992.

Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1997.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

*(Anh T có mặt tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã L;  
anh Q và chị T1 vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng T trình bày:*

Anh Phan Văn Q và chị Nguyễn Thị Thanh T1 là vợ chồng, anh và vợ chồng anh Q có quen biết. Vào ngày 13/12/2019 vợ chồng anh Q có mượn của anh số tiền 100.000.000 đồng để làm vốn làm ăn, thỏa thuận hàng tháng trả cho anh 10.000.000 đồng, khi vay tiền anh Q có ký tên xác nhận số tiền nợ, biên nhận do

chị T1 viết, không có lãi suất. Sau khi mượn tiền anh Q, chị T1 có trả cho anh được số tiền 42.500.000 đồng, còn nợ lại 57.500.000 đồng đến nay chưa trả mặc dù anh đã nhiều lần yêu cầu anh Q, chị T1 trả số tiền trên.

Nay anh yêu cầu anh Q, chị T1 trả cho anh số tiền 57.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

*Bị đơn anh Phan Văn Q và chị Nguyễn Thị Thanh T1 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Q, chị T1 vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng T khởi kiện yêu cầu anh Phan Văn Q và chị Nguyễn Thị Thanh T1 trả số tiền vay 57.500.000 đồng nên Hội đồng xét xử xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại địa phương nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Xét bị đơn anh Phan Văn Q và chị Nguyễn Thị Thanh T1 đã được triệu tập xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt đối với anh Q, chị T1.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hoàng T yêu cầu anh Phan Văn Q và chị Nguyễn Thị Thanh T1 trả số tiền 57.500.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Do có quen biết với anh Q, chị T1 nên anh T có cho anh Q, chị T1 vay số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 13/12/2019, hẹn mỗi tháng trả 10.000.000 đồng, không có lãi suất, anh Q có làm biên nhận cho anh T. Tại phiên tòa anh T trình bày là anh và anh Q có thỏa thuận miệng lãi suất 15%/tháng anh Q trả anh T do anh T vay tiền của người khác cho anh Q vay lại. Sau khi vay tiền anh Q chỉ trả cho anh T tiền lãi đến giữa năm 2020 thì ngưng luôn cho đến nay và chỉ trả được số tiền vốn là 42.500.000 đồng. Anh T đã nhiều lần yêu cầu anh Q trả tiền nhưng anh Q không trả nên anh T khởi kiện. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình anh T đã cung cấp cho Tòa án giấy mượn tiền do chị T1 viết và anh Q đã ký tên. Phía anh Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Q vẫn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho thấy anh Q đã từ bỏ quyền chứng minh của mình. Do

đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định anh Q còn nợ anh T số tiền 57.500.000 đồng và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, buộc anh Q có nghĩa vụ trả cho anh T số tiền 57.500.000 đồng.

[3.2] Xét thấy anh Q và chị T1 là vợ chồng có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Long Vĩnh, anh Q vay tiền của anh T để vợ chồng anh Q, chị T1 làm ăn và chị T1 là người viết biên nhận cho anh Q ký tên. Phía chị T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị T1 vẫn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho thấy chị T1 đã từ bỏ quyền chứng minh của mình. Do đó, cần buộc chị T1 có nghĩa vụ liên đới cùng anh Q trả cho anh T số tiền 57.500.000 đồng

[3.3] Về yêu cầu tính lãi: Ghi nhận sự nguyện của anh T không yêu cầu anh Q, chị T1 trả tiền lãi.

[3.4] Về thời gian trả tiền: Anh T yêu cầu anh Q, chị T1 trả cho anh Q số tiền 57.200.000 đồng đồng khi án có hiệu lực pháp luật có cơ sở vì anh Q, chị T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và nợ tiền của anh T làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh T. Do đó, Hội đồng xét xử buộc anh Q, chị T1 trả cho anh T số tiền 57.200.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của anh T được Tòa án chấp nhận nên anh Q, chị T1 phải chịu án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hoàng T.

Buộc anh Phan Văn Q và chị Nguyễn Thị Thanh T1 có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Hoàng T số tiền 57.500.000 đồng (Năm mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng). Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh Nguyễn Hoàng T có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Phan Văn Q, chị Nguyễn Thị Thanh T1 không trả số tiền trên thì hàng tháng anh Q, chị T1 phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Anh Phan Văn Q và chị Nguyễn Thị Thanh T1 phải chịu 2.875.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho anh Nguyễn Hoàng T 1.437.500 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006273 ngày 29/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Báo nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện G;
- CC THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Võ Thị Xuân**

